



• *Thịnh 1852*

Từ lúc nào thì tôi không được biết, nhưng hai chữ “lầu một” được dùng để chỉ dãy lầu đồ sộ ngay trước sân banh. Sân banh còn được gọi là Vũ đình trường, có khán đài, có hai dàn xích đu, pa-ra-len, pa-ra-phích. Đối diện là bức tường đá xây ngang tầm mắt, với phần trên gắn lớp chắn song bằng sắt cao nghệu, và bên ngoài bức tường kiên cố này là con đường Lê Lợi - dẫn từ ngã tư Bến Đình tới sân vận động Lam Sơn của thị xã - bên kia đường là Quân Y Viện Vũng Tàu.

“Lầu một” có lẽ bắt nguồn từ chữ “một” của Tiểu Đoàn 1. Lầu một là bán doanh của Thiếu Sinh Quân các lớp đệ Ngũ (lớp 8) đến đệ Tam (lớp 10). Năm 1961, lớp đệ Tam chỉ loe ngoe có hơn một chục mống, mà đến nay tôi chỉ còn nhớ dăm ba người “nổi cộm”: Chu Mạnh Bích, Bùi Bồn, Lê Thăng ... Sở dĩ tôi không nhớ được nhiều vì lúc đó là “nhóc con” lớp nhỏ. Đang đi, đứng, chạy, nhảy ... trong khuôn viên nhà trường, mà thoáng trông thấy bóng dáng quý vị đàn anh lớp trên đến gần, thì nhóc tí tôi liệu mà lui đi chỗ khác chơi cho được việc, chứ ở đó mà lảng cháng nhìn mặt, đọc bảng tên mấy ông đàn anh, thì ít nhiều thế nào cũng bị “lên lớp” quân phong, quân kỷ. Nói như thế nhưng trong thâm tâm, chúng tôi rất trọng đàn anh ở những lớp trên.

Tôi còn nhớ lớp đệ Tam năm đó: ngoài một số nhỏ học tại trường, các anh được gửi ra học ở trường trung học Vũng Tàu. Sáng sáng các anh mặc đồng phục, quần dài xanh và áo sơ mi trắng, được xe Dodge đón đưa đến trường. Đến năm đệ Nhị và đệ Nhất thì các anh phải về Saigon học. Học tại trường nào thì tôi không nhớ chính xác, nhưng các anh sẽ ở tại trường Quân Y. Sau khi vượt qua được cái ải tú tài toàn phần, và trong thời gian chờ đợi tham dự các khóa đào tạo sĩ quan hoặc các trường đại học dân sự, các anh cựu TSQ quay về trường, đeo lon Thượng sĩ dạy học cho các lớp đàn em. Tôi xin mở dấu ngoặc tại đây: các anh là thượng sĩ thực thụ trong quân đội chứ không phải thượng sĩ giả định trong trường, với mục đích khuyến khích TSQ cố gắng học hành. Có lẽ chúng ta còn nhớ chư vị AET- thượng sĩ giáo sư Lai Đình Lộc (bào huynh của AET Lai Đình Quyền và Lai Đình Hợi), anh Chu Văn Hải, anh Hoàng Đình Độc, anh Trữ, anh Thông, anh Phương . . .

Bây giờ trí nhớ lan man lại đem tôi trở về với dãy “lầu một”. Ở đó có văn phòng của trung úy Lâm Kỳ Sang, trung đoàn trưởng trung đoàn TSQ/VN. Trung úy Sang đã từng dẫn đầu đoàn TSQ diễn hành trong những dịp quốc lễ tại đường Thống Nhất Sài Gòn. Vì trung úy Sang có người anh là thiếu tá Lâm Kỳ Thơ - chỉ huy trưởng căn cứ chuyển vận Sài Gòn bên Khánh Hội, cho nên việc tạm trú, ẩm thực, và di chuyển của TSQ tại căn cứ chuyển vận trong suốt thời gian tập dượt diễn hành là chuyện nhỏ, được yểm trợ dễ dàng. Đó là chưa kể những chuyện nho nhỏ, nhưng đáng được ghi nhớ là vào dịp Tết Nguyên Đán - các TSQ có gia đình ở miền Trung thường thì ghé căn cứ chuyển vận Sài Gòn để xin phương tiện về quê nhà ăn Tết, đỡ tốn kém, an toàn và lắm khi còn nhanh hơn xe đò, xe lửa. Có một lần đang ở trong căn cứ chờ đợi xe về quê ăn tết, Phan Thứ và Trần Trai (học cùng với tôi năm đệ Lục 1962) thọc mỗi đứa một cái “công binh” vào túi quần sau đang đi lui thúi xuống dãy nhà bàn, bỗng nghe tiếng quát:

-Hai chú kia! Quân phục chỉnh tề sao không bận mà ăn bận như dzậy? Mà hai chú đi đâu dzậy?

Ngó lại, thấy người hỏi mình đeo lon thiếu tá, mặt mũi hai chàng chuyển thành màu trắng xanh, và thay vì trả lời thẳng vào câu hỏi: “Thưa thiếu tá, chúng tôi đang xuống nhà bàn”, thì Phan Thứ trợ trợ:

-Dà thừa thiệu tá, tui em là Thiệu Sinh Quung, tui em đi phép Tết, đang chờ chuyên bay ra Huế.

Ông thiếu tá hạ giọng: “Mấy cậu đi theo tôi”. Về đến văn phòng của mình, Thiếu tá Lâm Kỳ Thơ cho gọi hạ sĩ nhất Liếng – có lẽ là nhân viên văn thư, dặn dò kỹ càng:

-Xấp nhỏ nó một năm được nghỉ phép có mấy ngày, về ăn Tết với gia đình, ưu tiên cho tụi nó!

Sáng sớm hôm sau, 5g30 sáng, Trần Trai và Phan Thứ đã bị khua dậy, bỏ lên chiếc “đốt cát” đưa vội vã ra phi trường. Nếu tôi nhớ không lầm thì thiếu tá Thơ có hai người con trai đã gia nhập trường TSQ: Lâm Kỳ Văn học cùng liên lớp với tôi; Lâm Kỳ Chương sau tôi một hai lớp gì đó.

Trở lại chuyện tiểu đoàn 1 tại lầu 1 thì trung úy Kiêm – thân phụ của AET Nguyễn Thế Mỹ, sĩ quan Dù hiện đang cư ngụ tại bang Arizona - làm T/Đ trưởng. Ông Kiêm rất nghiêm chỉnh, hiền lành, nhỏ nhẹ. Thượng sĩ Mười là thường vụ, người thì nhỏ nhưng tiếng hô “nghiêm” quả như sư tử hồng, dội vào vách núi lớn sau trường rồi vọng ra nghe như tiếng sấm.

Người thứ hai có nội công thâm hậu của Kim mao Sư vương để hô tiếng “nghiêm” vang rền là Đinh Mỹ Hoa, trung sĩ nhất thường vụ của tiểu đoàn 2. Về sau này ông Đinh Mỹ Hoa lên thượng sĩ và theo trung tá Phan Như Hiền lên trường TSQ-Cao nguyên làm cán bộ.

Đại bản doanh của Tiểu đoàn 2, theo tiếng dân gian là “lầu 2”, nằm phía tay phải và thẳng góc với “lầu 1”, cách một khoảng sân rất lớn bao gồm: một sân tennis, một sân bóng tròn không cỏ, hình dạng và kích thước của sân không đủ tiêu chuẩn, nhưng cũng giúp nhiều “chú nhỏ” qua khỏi cơn ghiền lừa banh, giao banh . . . những khi sân chính của trường còn đang “bận rộn” bởi những trận giao hữu giữa các liên lớp, giữa các tiểu đoàn, hoặc đang đấu với các đơn vị bạn, các trường dân sự v.v... Khuôn viên nằm bên trong hàng cây giá ty bao gồm: ba sân bóng chuyên và những sà ngang sà dọc dùng cho việc luyện tập thể lực. Hàng cây giá ty này cũng có đến trăm tuổi, thân cây bóng như thân cây ôi, và lá thì lớn hơn cả những chiếc lá bàng của hàng cây bàng trồng trước đây lầu 2. Nghe mấy người lớn tuổi nói: hồi xưa người ta dùng gỗ cây giá ty để làm báng súng: nhẹ, chắc, và không nứt. Lầu 2 gồm: liên lớp đệ lục (lớp 7), liên lớp đệ

thất (lớp 6), lớp nhất (lớp 5), và lớp nhì (lớp 4). Nếu tôi nhớ không lầm thì năm 1961, lớp nhì có trên dưới chục người, còn lớp ba chỉ có hai ba người, và cán bộ CTSQ Hỷ Cún Năm là người mỗi ngày đưa đón các em qua trại Cô Giang, học ké với con em của cán bộ nhà trường – anh Năm hiện đang sống bằng nghề làm rẫy ở Xuân Lộc. Còn có một sân banh nửa trái toàn cát, bao quanh là hàng cây dừa, mà các TSQ nhập trường sau năm 1963 không tài nào tìm ra vết tích, đó là vị trí của hội trường Arromanche - một công trình dang dở dưới thời thiếu tá Nguyễn Lữ, chỉ huy trưởng. Hoi khuất về phía sau, bên trái của Lầu 2, là một sân bóng rổ. Tường cũng nên mở dấu ngoặc ở đây: một phần của Lầu 2 là nơi cư trú của liên đội CC2-BB (chúng chỉ năng lực chuyên môn số 2-Bộ binh). Trong khóa này có: AET Trịnh Ngọc Phát - hiện ở North Carolina; AET Phạm Ngọc Xuân - sau khi mãn khoá thì được giữ lại làm cán bộ kỹ thuật của nhà trường cho đến ngày đi học sĩ quan, nhà anh ở Hòa Hưng.

Lầu Văn Hóa tọa lạc riêng biệt trong một khu yên tĩnh có cây cao bóng cả như những hàng cây điệp, cây bả đậu. Thoạt đầu, có một tấm bảng nhỏ, đoán chừng 0,5m X 2m, đề chữ ‘Ban Văn Hóa’; rồi về sau này đổi thành ‘Phòng Văn Hóa’. Trưởng phòng Văn Hóa lúc bấy giờ là trung úy Châu Văn Độ, thân phụ của AET Pilot Châu Văn Nguyễn -hiện đang ở California-. Ông Độ dáng người bệ vệ, nhưng đi đứng nhanh nhẹn: mới thoáng thấy bóng ông ở đầu hành lang, quay vào khẩn báo cho bạn bè liệu diêm ba cuốn truyện chường đi kéo thầy đang tới, ngoảnh ra đã thấy ông đứng lù lù bên ngoài khung cửa sổ - ba hôn bảy vía - em nào trông cũng có vẻ học hành nghiêm chỉnh! Một hôm, ông phải đứng lớp thay giáo sư Việt văn:

-Tôi nghĩ phần tự giới thiệu chỉ mất thì giờ và là điều không cần thiết, các em đang học bà Huyện Thanh Quan? “Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn”, ờ, chữ Chiều, chữ Trời, hai chữ cùng là vần bằng, âm bằng. Vậy tại sao tác giả không để “Trời chiều” mà lại viết là “Chiều trời”? Em nào giải thích?

Cả lớp ngồi im, năm bảy phút trôi qua, vẫn yên lặng. Cuối cùng, ông ôn tồn giải thích:

-Đặt chữ Chiều trước, tác giả chỉ muốn nhấn mạnh cái thời gian, thời điểm lúc bấy giờ là buổi chiều, chữ Trời chỉ mang chức năng bổ

sung ý nghĩa, mà ta có thể coi như tĩnh tự.

Nhân vật thứ hai ở phòng Văn Hóa mà tôi muốn đề cập là chú Di (có lẽ Vi thì đúng hơn) quản thủ Thư viện - đầu niên khóa lãnh thêm phần phát sách vở, bút viết cho TSQ, cuối năm thu hồi. Chú luôn miệng căn dặn:

-Tập thì khỏi trả lại, sách thì cuối năm trả lại cho trường, cho tụi nhỏ lớp sau. Mấy em không được viết tầm bậy tầm bạ trong đó, bìa sách phải giữ thẳng thớm ... Em nào nói không nghe thì sẽ bị bắt thường.

Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò, mà lại là học trò TSQ nữa thì “thầy không chạy, bác sĩ cũng chê”! Sách vở chuyên môn thọc túi quần sau, thì không cách chi tránh khỏi hư hại; vậy mà trong suốt mấy năm trời, tôi chưa thấy một TSQ nào trong lớp tôi hoặc liên lớp tôi phải móc tiền túi ra để bồi thường cho sách bị hư hỏng. Chú Vi, người cao dong dỏng với cặp mắt kiếng dày cộm như hai cái đũa ly luôn luôn nằm trên sống mũi, thật chân chất và nhân hậu. Chú là thân phụ của AET Nguyễn Văn Kỳ - bạn đồng song với tôi, và nhập khóa 19 Sĩ quan hải quân Nha Trang.

Trưởng ban Trung học là Thiếu úy Nguyễn Xuân Tiên, rất ngăn nắp và quy củ, nhất là giờ giấc học hành, thời khóa biểu của các lớp. Một buổi tối vào khoảng 7g30 hay 8 giờ, nhằm giờ tự học, thầy Tiên – có lẽ là sĩ quan trực đêm đó – đang thả bộ ngoài hành lang, bất chợt dừng lại trước cửa lớp và hỏi vọng vào:

-Trưởng lớp đâu, sĩ số bao nhiêu, mà sao cả lớp còn có loe ngoe mấy mông như thế này?

Trong khi trưởng lớp đang ú ớ tìm câu trả lời, thì một trụ trong lớp vọt lên ra ngoài để báo động cho nhóm đang thụt bi-da bên cầu lạc bộ, nhóm đang thổi lửa chiên com dưới nhà bếp... về lớp ngay để điểm danh; sau đó cu cậu chạy thực mạng vào lớp. Thầy Tiên quát:

-Chú mày làm gì mà bây giờ mới đến lớp? Mấy giờ rồi?

-Thưa thầy, em đi kêu tụi nó. (giọng Nam đặc sệt của Phạm Công Tâm)

-Chú mày . . . ăn com một ngày mấy bữa mà cứ hỏi đến là trả lời đi tiêu?

Thoảng nghe tiếng khúc khích của một vài anh em ngồi cuối lớp, may mà thầy không bộp tai, chứ nếu thầy đã hạ thủ, thì người mình hạc xương mai như thầy cũng chỉ đau tay. Cũng xin nói thêm, liên lớp chúng tôi là một trong những lớp đầu tiên của trường được tập thể dục quân sự - Thái Cực Đạo, Tae Kwan Do – do những võ sư Đại Hàn trực tiếp huấn luyện, cho nên chân tay đứa nào cũng chắc cứng, và cuối cùng thì chúng tôi đã có được cái quy ước bất thành văn là nếu thầy đánh thì chỉ né thôi, chứ không được đỡ!

Hình như thầy Đào Văn Tổ dạy học từ thuở trường TSQ còn ở Mỹ Tho, về sau sát nhập về Vũng Tàu, thầy cũng tháp tùng ra Ô Cấp (Cap Saint Jacques) dạy môn Công Dân Giáo Dục. Quả đúng như tánh tình nghiêm khắc của thầy, trong khi thầy giảng bài thì học trò phải đặt hai bàn tay lên bàn, chăm chỉ nhìn thầy - bằng không, chẳng may có trò nào bị bắt quả tang vi phạm – coi như buổi học đó khỏi phải trả bài, khỏi học bài mới, vì thầy sẽ tụng, tụng giờ này qua giờ khác; dĩ nhiên, những lúc dầu sôi lửa bỏng như thế này, các trò hãy quên đi giờ ra chơi.

-Trò... trò đó đó! Cha mẹ trò gọi trò vô đây ăn học, trong lúc thầy giảng bài, trò đã không chăm chú lắng nghe, mà trò còn thọc tay xuống dưới, gãi háng, gãi đùi; bài học không hiểu... thì làm sao làm được... bài làm, làm xằng làm bậy nó thành cái thói quen... làm bậy làm xằng, đâu có được như ông Đại úy ..., Thiếu tá ..., vv...

Thế là thầy kể tiểu sử của một lô ... úy, tá, ông quận, ông tỉnh: những bạn học của con thầy, mà nếu tôi nhớ không lầm thì có cả thiếu tá Phan Như Hiên, đương kim Chi Huy Trường.

Một hôm, thầy quên cây viết Caolô của thầy đâu đó, tìm hoài không thấy để ký sổ đầu bài - chữ ký của thầy trông giống như chữ “stop” - thầy nhìn xuống lớp rồi hỏi:

-Trò nào cho thầy mượn cây viết.

Tính Minh Mẫn, số quân 801, ngồi ngay dãy bàn đầu nhanh nhẹn đứng lên tiến tới bục và lễ phép hai tay đưa cho thầy mượn cây viết Pilot thon thả, nhỏ nhắn; thầy cầm lấy và cây viết chọt tuột ra khỏi tay thầy, lăn xuống mặt bàn. Thế là thầy quát:

-Trò, tướng tá trò coi vạm vỡ, nở nang mà sao trò xài cây viết tý hon tới vậy?

Cả lớp nín khe, nhìn thầy gắn điều thuốc Melia lên miệng, và bật lửa. Có lẽ cái hộp quẹt thầy xài là chiếc Zippo đầu tiên tôi thấy.

Giáo sư Việt văn Phạm Văn Viết dạy TSQ từ những ngày còn ở Hà nội. Di cư vào Nam, thầy tiếp tục trả nghiệp cho trường, cho đoàn thể TSQ, cho đến ngày cuối. Cái nghiệp của thầy với TSQ nó còn lằng nhằng, lầy lắt ra đến tận xứ người, sống đời ty nạn. Dáng thầy nhỏ nhắn; tính thầy nhả nhặn, bao dung. Thầy chẳng cho ai 5 điểm trở xuống, không thuộc bài thì thầy đánh dấu X thật nhỏ bằng viết chì vào khuôn cho điểm, và dặn rằng tuần sau trả góp, bởi thầy dư biết em nào 5 điểm trở xuống (cho bất cứ môn học nào) thì cuối tuần sẽ bị cấm túc. Thầy là một kho đồ sộ Hán-Nôm, một hôm thầy vừa viết lên bảng, vừa giảng:

-Đây này, nom nó như cái khung cửa thế này là chữ Môn – cái cửa, bây giờ nếu ta đặt một vật gì như cái bàn, cái hộp, cái thùng vào giữa cái khung cửa – thì chữ “môn” này trở thành chữ “cách”, có nghĩa là ngăn cách, hay cách ly ... vv...

Thầy giảng bài rất đơn giản và tượng hình, khiến đầu óc non nớt của học sinh lớp 8 (đệ Ngũ), lớp 9 (đệ Tứ), hiểu ngay và nhớ lâu. Nếu tôi nhớ không lầm thì thưở sinh tiền, năm nào thầy cũng viết tặng đặc san xuân TSQ một câu đối.

Thầy Đào Văn Nghiệp, giáo sư hội họa - một môn học phụ - dạy môn nhiệm ý, nhưng thầy rất khó tánh. Thầy hay dùng cây thước kẻ (1 cm x 1 cm x 30 cm dài) khê tay TSQ nào vẽ xấu, vẽ không được như ý thầy mong muốn, mà theo thầy giải thích: vẽ ẩu tả, việc học ẩu tả, thì đừng có trông mong mai sau việc làm tốt đẹp. Thầy có phòng dạy riêng ngay bên cạnh cầu thang dẫn lên lầu 3, dãy bàn học kê theo hình vòng cung. Thầy hút Ruby Queen liên tục, hết điều này sang điều khác, khiến hai đầu ngón tay đóng nhựa thuốc khệu vàng. Một hôm, bạn tôi - Trần Chánh Tâm (em của AET Pilot Trần Hồng Minh)- lảng vảng từ xa canh thầy quăng đi “con đế nhủi”- mẩu cuối của điều thuốc - rồi rón rén nhưng rất nhanh nhẹn ra lượm về, phi phèo cũng qua cơn vật vã, vậy mà không qua được mắt thầy:

-Tui hút là bởi tui không bỏ được! Em liệu thân, Trần Tà Tâm chớ Chánh Tâm gì.

Thầy ký số đầu bài: “nghiepdao”. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy chữ ký kiểu Âu Mỹ.

Năm 1963-64 dường như là niên học mà trường TSQ có một dàn giáo sư gạo cội nhất nước. Một phần là tình hình bất ổn chính trị tại Sài Gòn, với những cuộc xuống đường biểu tình của học sinh sinh viên một vài năm trước đó, cho nên giáo sư của các trường công, tư thục tại thủ đô cũng như các tỉnh thành lớn đều bị động viên. Sau thời gian thụ huấn quân sự tại trường võ khoa trừ bị Thủ Đức, những nhà mô phạm này nếu còn gắn bó với cái nghiệp “gỗ đầu trẻ” thì họ có một trong hai đường chọn lựa: hoặc lên Đà Lạt làm việc tại Văn hóa vụ tại trường Võ Bị Quốc Gia, hoặc ra Vũng tàu dạy học tại trường TSQ/VN. Trộm nghe mấy thầy xầm xì: Ô cấp gần Sè goòng hơn Đà Lạt.

Giáo sư Đinh Tiên Lãng: dạy toán, chuyên trị hình học không gian. Nhỏ người, tôi không biết thầy có chơi môn thể thao nào, nhưng bình luận thì hết sảy:

-Các cậu đầu có cần phải dùng bấp thịt mà đập bóng qua lưới; đây này, mười đầu ngón tay vừa búng vừa xoay, quả bóng lăn trên lưới, từ đầu này sang đầu kia, rồi rơi xuống; đôi phương bên kia chỉ có mắt tròn tròn, mồm há hốc mà nhìn bóng!

Hoặc lạm bàn về quả thoi sơn Tae Kwan Do, thầy nói:

-Quả đấm lúc nó ở sát nách, sát thân mình thì nó nằm theo trục tung, khi phóng nó ra thì vừa phóng vừa xoay quả đấm theo vòng tròn lượng giác, lúc cánh tay đã duỗi thẳng thì quả đấm của các cậu nó nằm theo trục hoành: vừa đấm vừa xoay thì sức mạnh của quả đấm tăng bội phần, đó là “lực quán tính”, đó là “thành công lực”!

Giáo sư Anh văn Đặng Đức Cường - chúng tôi thường gọi là Rock Cường - thầy bước đi nhanh thoăn thoắt, và lái chiếc xe Opel của Đức, vào lớp:

-Mỗi trò xé một tờ giấy vở, thầy đọc 20 chữ Việt, các trò viết 20 chữ Anh, rồi nộp ra đầu bàn, trong vòng 5 phút.

Cứ thế, mỗi chữ một điểm, thầy khảo bài kiểu đó quanh năm. Thầy bắt học thuộc lòng “Động từ bất quy tắc”. Tôi còn nhớ, năm trường phải dời về trường Truyền Tin ở ngã tư Giếng Nước, thầy đã nói một câu: “thầy dân sự, trò dân sự, thế gian lẽ thường; nhưng thầy là lính, mà trò cũng là lính, thì nó có một sợi dây vô hình nào đó thắt chặt tình thầy trò hơn!” Thầy đến Mỹ sau khi Sài Gòn sụp đổ

vài năm, và định cư ở Louisiana, tiếp tục nghiệp gỗ đầu trẻ.

Giáo sư Nguyễn Hoa dạy toán. Trên tấm vách tường đối diện dãy bàn học sinh, và phía bên trên bục với bàn của giáo sư, thầy cho dán những tấm bìa lớn và cứng, với toàn những: “hằng đẳng thức đáng nhớ”, cách giải phương trình bậc 2, lập Delta, tìm x' và x'' ; $\sin+\sin=2\sin\cos$; $\sin-\sin=2\cos\sin$, $\cos+\cos=2\cos\cos$, $\cos-\cos=-2\sin\sin$; tang, cotang ...vv... Lúc thầy gọi lên bảng khảo bài thì phải cẩn thận, bởi vì khi thầy khen “trò giỏi” (giỏi) thì phải hụp đầu xuống tránh cái bộp tai của thầy. Thịnh thoảng, thầy vẫn khoe chiếc xe đạp “đòn đồng” - thầy có từ hồi thầy đỗ Trung học đệ nhất cấp do cha của thầy thưởng cho - mà thầy vẫn dùng để đi dạy học.

Giáo sư Bửu Quê dạy sử địa. Giải ngữ rồi nhưng vẫn ở lại làm giáo sư dân sự dạy TSQ. Qua Mỹ bên CA, vẫn đảm ấm với TSQ, thầy hiền lành, phúc hậu. Nếu tôi nhớ không lầm thì hình như thầy là người đầu tiên dạy cho chúng tôi cách thi “A,B,C, khoanh” (multiple choice).

Giáo sư Nguyễn Chí Thành dạy môn vạn vật. Nghe nói thôi - chứ còn hư thực ra sao thì chẳng biết - thầy Thành là cựu SVSQ Quân Y, ra trường non, được chuyển về trường TSQ dạy học. Ngày đầu tiên bước vào lớp, chẳng nói chẳng rằng chỉ cả, thầy chậm rãi tiến đến bàn giáo sư kê trên cái bục cao, cầm viên phấn từ từ bước tới tấm bảng và viết:

-“Thiếu Úy Nguyễn Chí Thành, thân mến chào các em”, cả lớp vỗ tay!

Thầy khảo bài mỗi lần từ 6 đến 8 em. Thầy chia hai tấm bảng xanh theo chiều dọc ra bằng lần phần, đọc cho mỗi người một câu hỏi, rồi bảo các em viết câu trả lời bên dưới; em nào không thuộc bài thì thầy cũng chỉ nhỏ nhẹ: “lại đi nhận rồi”! Học trò ban A mà cứ nghe lời thầy: tim bộp độp, óc bộp độp, mắt bộp độp, định luật di truyền”mãng đên”, là cầm chắc vốn 12 điểm trong tay.

Chuyện kể về các thầy thì vô tận, cơ man nào cho hết, có lẽ phải chia thành nhiều hồi và hồi mở màn sơ lược này, xin được tạm dừng nơi đây, bởi trên là các lớp đàn anh, dưới là các lớp đàn em: thế nào cũng có anh em muốn kể cho nhau nghe giai đoạn, thời gian sống trong trường của mình với thầy, với bạn.

Niên học 1963 còn là năm trở về của chú vị AET đàn anh đã hoàn tất chương trình Cử nhân tại các trường đại học ở thủ đô Sài Gòn; các anh trở về trường mang cấp bậc trung úy làm việc bên phòng văn hóa với tư cách giáo sư dạy dỗ, dìu dắt lớp lớp đàn em.

Anh Mông, dạy Anh văn, rồi trở thành Tổng Giám Thi, sau này anh chuyển về Bộ Ngoại Giao.

Anh Toan, dạy Lý Hóa, rồi lên làm trưởng phòng văn hóa, và sau này làm hiệu trưởng trường Thiếu Sinh Quân Việt Nam, Chỉ huy trưởng vẫn là Đại tá AET Nguyễn văn Ứng.

Anh Thảo, dạy môn Sử Địa, sau về làm ở Tổng cục Chiến tranh Chính trị, Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 50 CTCT.

Anh Dũng, dạy Anh văn, và về sau về trường Sinh ngữ Quân đội.

Anh Tùng, dạy Việt văn; và tôi không còn nhớ anh Thương dạy môn gì!

Năm 63, còn là năm của Đại hội CTSQ toàn quốc, được tổ chức tại đại bản doanh của trường Thiếu Sinh Quân Việt Nam tại Vũng tàu, dưới sự chủ tọa của CTSQ Trung tướng Nguyễn Hữu Có, Tổng Trưởng Quốc Phòng. Tôi đã thấy mọi tuổi tác, mọi cấp bậc, mọi sắc áo, của mọi quân, binh chủng; và tôi đã dường như chỉ nghe một cách xung hô: anh và em (ra trước, ra sau), mày và tao (bằng vai, phải lứa). Thượng sĩ Láng gọi Thiếu tá Thanh bằng mày thật dễ thương.

Sinh hoạt nội trú của TSQ không thể thiếu hình bóng “Bác Khè”, tư lệnh khối lửa. Tên thật của bác là Nguyễn văn Khè, chức vụ Trưởng ban hỏa đầu vụ, cấp bậc thì tôi biết từ khi bác mang lon hạ sĩ nhất cho đến lúc lên thượng sĩ, rồi giải ngũ. Có ít nhất hai bản nhạc tình, đã được sửa lại lời ca, dành cho bác:

- “trời đêm dần tàn, tôi đến sân ga đưa tiễn người ...” được sửa thành ... “trời đêm dần tàn, tôi đến sân banh đưa bác Khè đi vô nhà bàn. Hỏi bác hôm nay ăn chè gì? Bác nói chè khoai”!

Tay nào mà giờ học không an phận ở lầu Văn hóa, chỉ canh đến 10 giờ 30, hoặc 11 giờ - giờ giờ cháo - vọt về nhà bếp kiểm miếng cơm cháy, thì được mệnh danh là Phú “khè”; quần “soọc” rộng thùng thình, phát sao mặc vậy, không sửa chữa cho vừa vặn thì gọi là quần “khè”. Bác Khè chân phương mộc mạc. Có một hôm năm 1963 tôi

đi chợ, mà chữ trong giấy tờ gọi là đi kiểm thực, với một đàn anh học trên tôi 3 lớp, trong lúc lảng vảng quanh sân nhà bếp chỗ mấy bà dân chính đang làm cá, tôi nghe tiếng bác Khè vọng ra từ nhà kho:

-Chúng nó đã thiếu thốn rồi, mấy bà còn ăn bớt ăn xén là phải tội đấy, bấy giờ thì đừng có trách rằng tôi không báo trước là cứ ở nhà mà lo cho chồng, cho con.

Bác vừa khám phá có bà nào đó, trong khi làm những con cá thu dài cả thước, đã dẫu đi những buồng trứng cá nặng cả ký vào kho để chiều tan sở mang về nhà.

Một nhân vật nữa làm ở “nhà bàn”, mà không thể không nhắc tới, là anh Hoàn. Anh về trường từ lúc còn là tân binh quân dịch - vóc người đầy đặn, nở nang - nghe nói rằng anh cũng có chút đỉnh nghề (võ nghệ). Lúc nào tôi cũng thấy anh làm việc hùng hục luôn tay. Ban ngày lo việc cơm nước, bếp núc, kể cả việc rửa dọn nồi niêu “xoong” chảo, thau, đĩa, ghế bàn ...vv... thuộc lãnh vực ẩm thực, và ban đêm thì ứng chiến, trực gác, hoặc nằm kích ở điếm nào đó sau núi quanh trường. Có những đêm vào những mùa thi hay năm thi, sau giờ tắt đèn đi ngủ, tôi hay ôm sách vở ra đồn canh bên dưới Bộ Chỉ huy, ngồi học ké dưới ngọn đèn trần mù mờ chiếu xuống mặt bàn Điếm Trường, và tôi thường gặp anh Hoàn ở đó, anh hỏi:

-Ra học hả? Mùa này hết đề rồi!

-Dạ học. Tôi đáp.

-Ông ngồi đó, học đi! Có gì thức tui đây.

Rồi anh trải tấm chiếu manh - có lẽ được cấp phát- ra nền nhà bên cạnh chiếc bàn duy nhất ở đồn canh, trùm mền kín mít, và bắt đầu “gọi dò” chỉ sau vài ba phút. Phải nói rằng tiếng ngáy của anh rất lớn; hơn sáu mươi năm lăn lộn trường đời, từ chốn rừng thiêng nước độc, đến chỗ phồn hoa đô hội, từ Bắc chí Nam, từ đông sang tây, từ nước mình ra nước người: tôi chưa gặp ai là “đôi thủ ngáy” của anh Hoàn! Người xưa nói: những người ngủ ngáy to như “ngư hồng” thường thì tính tình lòng dạ thẳng thắn như ruột ngựa; trường hợp này quả đúng với anh Hoàn. Có lẽ anh Hoàn lớn hơn tôi dăm ba tuổi, anh gọi tôi bằng “ông”, tôi gọi anh là “anh”. Đến giờ đổi ca, anh thức dậy, nói:

-Gần một giờ rồi, ông ra ngoài (Bến Đình) kiểm tô cháo hay khúc

bánh mì, lệ đi, rồi dzô!

Nghe nói, về sau anh Hoàn lên tới Hạ sĩ, Hạ sĩ nhất, và vẫn phục vụ tại trường cho đến ngày xây đàn, tan ghé. Anh đã chứng kiến những đổi thay: từ Tiểu đoàn I, Tiểu đoàn 2, sau này thêm Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 4 ... đến Tiểu đoàn Hùng Vương, Lê Lợi, Ngô Quyền, Quang Trung ... từ Trung đoàn TSQ/VN, đến Liên đoàn TSQ/VN ... từ thiếu tá Lũy đến đại tá Tư, từ trung tá Kiên đến đại tá Ứng, rồi đại tá Quan đến trung tá Doanh...

Chúng tôi ghi lòng tạc dạ công ơn của các lớp đàn anh đã dọ dẫm, khai phá, định hướng, mở đường cho các lớp đàn em, những con đường mòn đầy chông gai vấy máu và nước mắt. Nhưng mọi sự vạn vật đang vận hành, đang biến dịch, những lối mòn này cần được cải thiện, cần được cập nhật hóa- trải nhựa- để thích nghi với hoàn cảnh xã hội, luật lệ hiện hành. Bằng không - cái lối mòn này sẽ tự đào thải, vì thiếu an toàn, chẳng còn ai héo lánh.

Anh Hoàn, người Tân binh Quân dịch năm xưa, đã ở lại trường phụ các em TSQ mở kho súng, mở kho đạn, vác những khẩu súng nặng như đại liên M30 lên lầu Bộ Chỉ huy, lên lầu phòng Hành chánh-Tài chánh, ra những vọng gác sau trường, chỗ nhìn ra sân bắn, và chỗ nhìn lên trạm bơm nước trên sườn núi Lớn; anh Hoàn ở cạnh TSQ đến giờ phút lâm chung – anh đã rơm rớm nước mắt chia tay các em. Không biết anh đã đi đâu, về đâu! Dù ở góc biển chân trời, tôi luôn cầu nguyện cho anh được bình an.

Thịnh 1852

Mùa Xuân 2015

